

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh thuê 578.084 m² đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trần Đề

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 147/TTr-STNMT-CCQLĐĐ ngày 19/01/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh thuê 578.084 m² đất tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trần Đề, với mục đích, thời hạn và hình thức sử dụng đất như sau:

1. Mục đích sử dụng đất: Đất khu công nghiệp (SKK).
2. Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 11/6/2069.
3. Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.
4. Giá đất tính thu tiền thuê đất: Áp dụng theo quy định hiện hành.

(Kèm theo sơ đồ vị trí các thửa đất).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường và Cục Thuế tỉnh thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Phối hợp các đơn vị liên quan triển khai Quyết định này; đồng thời, tiến hành bàn giao đất trên thực địa và ký hợp đồng thuê đất đối với Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh.

b) Trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh sau khi doanh nghiệp hoàn thành việc thanh toán phần vốn ngân sách Nhà nước đã được sử dụng cho các công trình, hạng mục của Dự án Khu công nghiệp Trần Đề và nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định.

c) Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Điều 1 Quyết định này.

2. Sở Tài chính, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu hồi phần vốn ngân sách Nhà nước đã được sử dụng cho các công trình, hạng mục của Dự án Khu công nghiệp Trần Đề, tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa, tiền thuê đất đối với Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh theo quy định.

3. Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh có trách nhiệm thanh toán phần vốn ngân sách Nhà nước đã được sử dụng cho các công trình, hạng mục của Dự án Khu công nghiệp Trần Đề trong vòng 90 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định này và thực hiện nghĩa vụ tài chính có liên quan theo quy định; trường hợp Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh không thực hiện đúng thời hạn nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thu hồi Quyết định cho thuê đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh căn cứ Quyết định thi hành kể từ ngày ký. *l.l*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

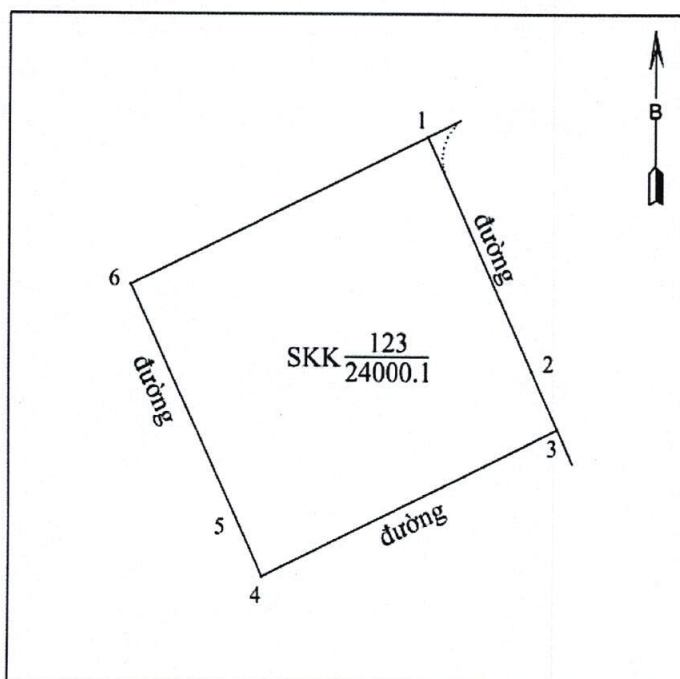


***Vương Quốc Nam**

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[illegible]

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



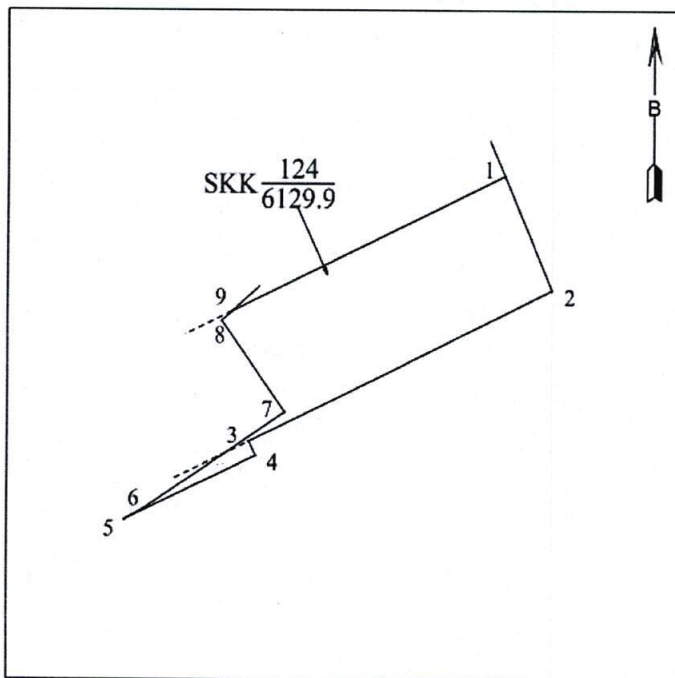
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 124, tờ bản đồ địa chính số 38, diện tích 6.129,9 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055419.89	575939.22	48.01
2	1055376.02	575958.74	135.98
3	1055317.82	575835.84	6.00
4	1055312.40	575838.41	58.30
5	1055287.44	575785.72	8.47
6	1055291.55	575793.13	68.39
7	1055329.11	575850.29	43.21
8	1055363.96	575824.75	5.60
9	1055367.67	575828.95	122.00
1	1055419.89	575939.22	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



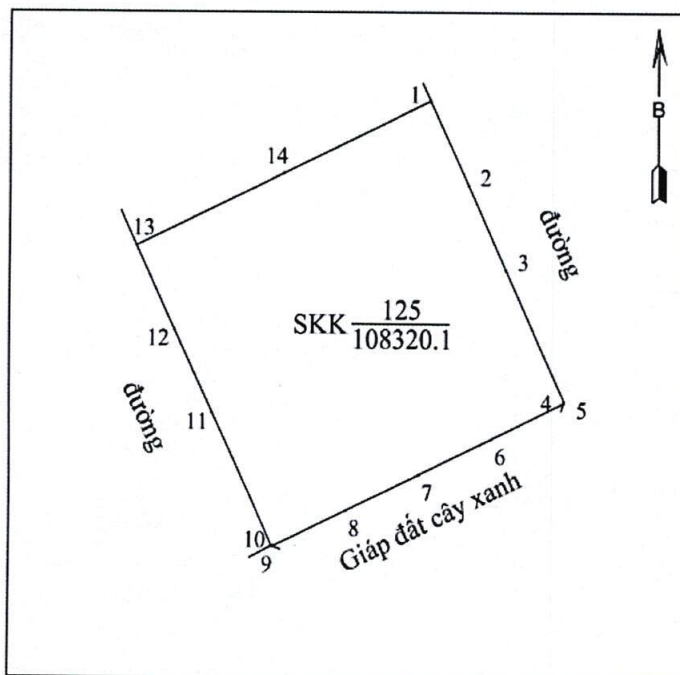
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 125, tờ bản đồ địa chính số 38, diện tích 108.320,1 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055454.21	575235.72	91.13
2	1055371.85	575274.72	91.00
3	1055289.61	575313.67	143.00
4	1055160.37	575374.88	1.41
5	1055159.04	575374.40	82.00
6	1055123.94	575300.29	83.00
7	1055088.41	575225.28	83.00
8	1055052.89	575150.26	82.00
9	1055017.79	575076.16	1.41
10	1055018.27	575074.82	143.00
11	1055147.51	575013.62	91.00
12	1055229.75	574974.67	91.41
13	1055312.36	574935.54	166.00
14	1055383.29	575085.63	166.00
1	1055454.21	575235.72	

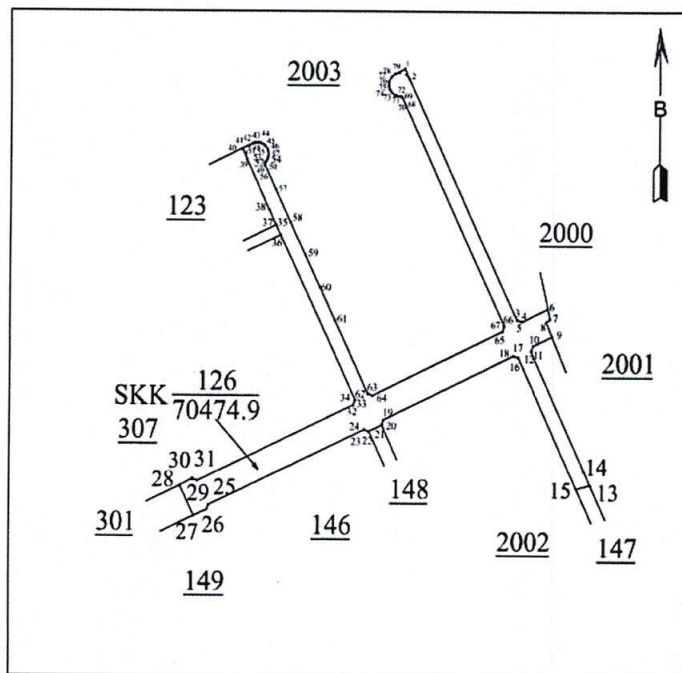
Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055750.55	575464.93	21.06 473.79 1.41 8.49 54.25 19.21 8.98 27.77 40.11 8.48 1.41 235.24 27.30 26.53
2	1055731.52	575473.95	
3	1055303.32	575676.74	
4	1055302.85	575678.07	
5	1055299.99	575686.06	
6	1055323.21	575735.08	
7	1055304.46	575739.28	
8	1055299.31	575731.93	
9	1055273.78	575742.86	
10	1055256.61	575706.60	
11	1055248.62	575703.75	
12	1055247.29	575703.27	
13	1055034.69	575803.96	
14	1055010.02	575815.64	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 126, tờ bản đồ địa chính số 38, diện tích 70.474,9 m².

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)	TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)			X (m)	Y (m)	
15	1055003.66	575789.88	257.26	50	1055592.59	575211.25	2.97
16	1055236.16	575679.77		51	1055589.77	575210.31	
17	1055236.64	575678.44	1.41	52	1055586.80	575208.79	3.33
18	1055239.49	575670.45	8.48	53	1055583.79	575206.52	3.77
19	1055124.79	575428.24	268.00	54	1055582.47	575205.65	1.58
20	1055116.79	575425.39	8.49	55	1055580.75	575205.21	1.78
21	1055115.46	575424.91	1.41	56	1055578.30	575205.72	2.50
22	1055104.33	575401.41	26.00	57	1055535.72	575225.88	47.11
23	1055104.81	575400.08	1.41	58	1055476.97	575253.71	65.00
24	1055107.66	575392.09	8.48	59	1055418.23	575281.53	65.00
25	1054971.56	575104.69	318.00	60	1055359.48	575309.35	65.00
26	1054963.57	575101.84	8.48	61	1055300.74	575337.17	65.00
27	1054952.01	575077.43	27.00	62	1055171.50	575398.37	143.00
28	1055006.24	575051.75	60.00	63	1055171.02	575399.71	1.41
29	1055018.27	575074.82	26.02	64	1055168.17	575407.70	8.49
30	1055017.79	575076.16	1.41	65	1055282.87	575649.91	268.00
31	1055014.94	575084.15	8.49	66	1055290.86	575652.76	8.49
32	1055151.05	575371.55	318.00	67	1055292.20	575653.24	1.41
33	1055159.04	575374.40	8.49	68	1055699.02	575460.57	450.14
34	1055160.37	575374.88	1.41	69	1055700.52	575459.33	1.95
35	1055454.21	575235.72	325.13	70	1055701.33	575457.92	1.62
36	1055472.29	575227.16	20.00	71	1055701.63	575455.94	2.01
37	1055499.40	575214.32	30.00	72	1055702.32	575449.47	6.51
38	1055588.69	575172.03	98.80	73	1055703.99	575445.21	4.57
39	1055607.85	575162.95	21.20	74	1055708.36	575439.49	7.20
40	1055617.08	575182.49	21.61	75	1055713.62	575435.96	6.34
41	1055618.05	575185.09	2.77	76	1055720.36	575434.04	7.01
42	1055618.57	575187.41	2.38	77	1055727.48	575434.52	7.14
43	1055618.83	575192.31	4.91	78	1055736.33	575438.90	9.87
44	1055617.65	575197.88	5.69	79	1055741.59	575445.97	8.81
45	1055614.79	575203.34	6.17	1	1055750.55	575464.93	20.97
46	1055611.57	575206.82	4.74				
47	1055607.01	575209.85	5.48				
48	1055602.12	575211.51	5.16				
49	1055596.92	575211.92	5.21				
			4.39				



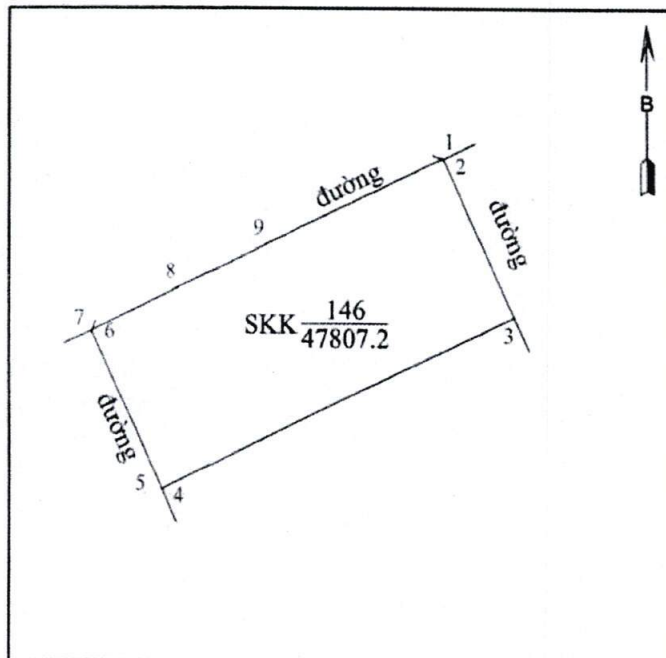
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 146, tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 47.807,2 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055104.81	575400.08	1.41
2	1055104.33	575401.41	143.00
3	1054975.09	575462.62	332.00
4	1054832.99	575162.57	13.00
5	1054844.74	575157.00	130.00
6	1054962.23	575101.36	1.42
7	1054963.57	575101.84	82.00
8	1054998.66	575175.95	83.00
9	1055034.19	575250.96	165.00
1	1055104.81	575400.08	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



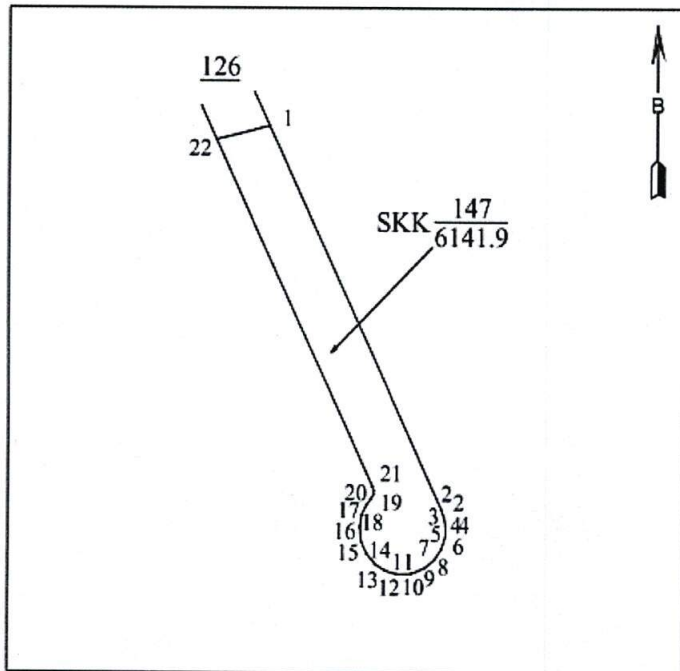
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16/02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 147, tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 6.141,9 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055010.02	575815.64	197.64
2	1054831.40	575900.23	4.08
3	1054827.57	575901.64	3.91
4	1054823.70	575902.27	4.74
5	1054818.96	575902.26	6.05
6	1054813.22	575900.35	6.26
7	1054808.06	575896.82	5.97
8	1054804.24	575892.23	7.25
9	1054801.56	575885.50	7.12
10	1054801.42	575878.38	5.91
11	1054803.04	575872.69	5.49
12	1054805.91	575868.01	6.81
13	1054811.02	575863.52	6.40
14	1054816.89	575860.96	6.43
15	1054823.30	575860.34	5.68
16	1054828.89	575861.34	5.17
17	1054833.57	575863.54	3.52
18	1054836.33	575865.72	2.40
19	1054838.45	575866.86	1.89
20	1054840.34	575866.94	1.54
21	1054841.82	575866.53	179.07
22	1055003.66	575789.88	26.53
1	1055010.02	575815.64	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



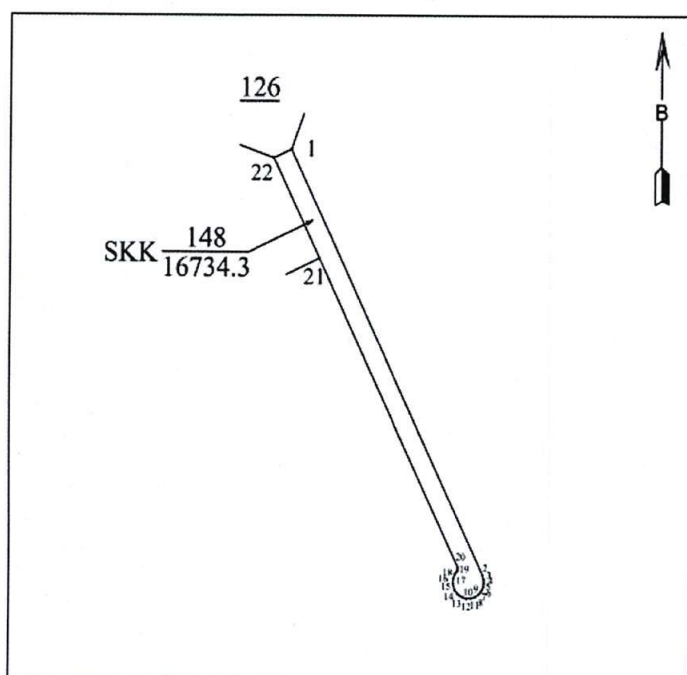
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 148, tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 16.734,3 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055115.46	575424.91	608.18
2	1054565.80	575685.22	5.66
3	1054560.41	575686.95	4.45
4	1054555.96	575687.12	5.70
5	1054550.34	575686.14	5.06
6	1054545.76	575684.00	5.81
7	1054541.34	575680.24	6.10
8	1054537.98	575675.14	5.36
9	1054536.36	575670.03	6.50
10	1054536.12	575663.53	5.16
11	1054537.38	575658.53	6.87
12	1054540.87	575652.61	8.34
13	1054547.42	575647.45	8.03
14	1054555.12	575645.16	7.51
15	1054562.60	575645.84	5.93
16	1054568.00	575648.28	3.80
17	1054571.03	575650.57	2.44
18	1054573.19	575651.70	1.65
19	1054574.84	575651.86	1.75
20	1054576.52	575651.38	441.01
21	1054975.09	575462.62	143.00
22	1055104.33	575401.41	26.00
1	1055115.46	575424.91	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



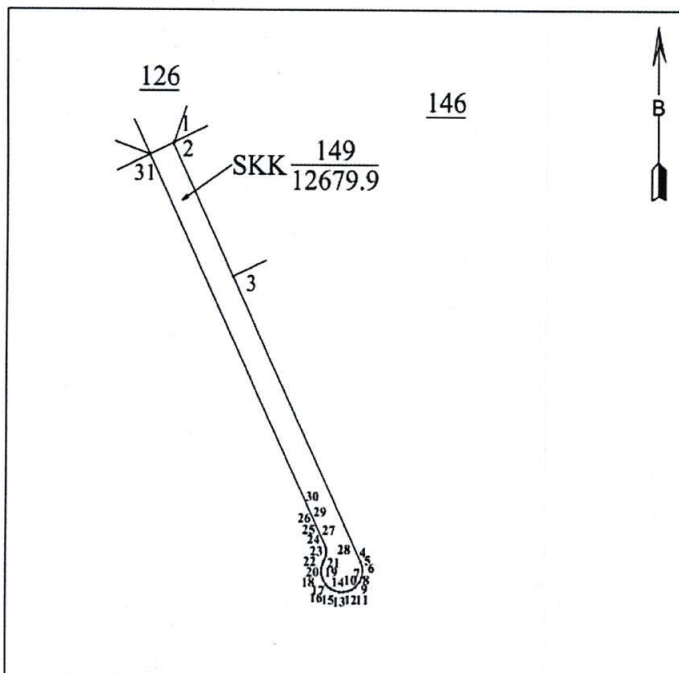
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 149, tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 12.679,9 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1054963.57	575101.84	1.42
2	1054962.23	575101.36	143.00
3	1054832.99	575162.57	307.56
4	1054555.03	575294.21	4.59
5	1054550.70	575295.72	4.01
6	1054546.71	575296.18	6.32
7	1054540.44	575295.44	5.77
8	1054535.19	575293.05	6.61
9	1054530.17	575288.76	3.95
10	1054527.89	575285.53	4.36
11	1054526.17	575281.52	5.08
12	1054525.21	575276.53	3.91
13	1054525.30	575272.62	4.95
14	1054526.50	575267.82	4.57

San vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



Thửa đất số 149, tờ bản đồ địa chính số 40, diện tích 12.679,9 m².

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
15	1054528.56	575263.74	3.72
16	1054530.84	575260.81	3.09
17	1054533.12	575258.72	4.63
18	1054537.04	575256.25	3.04
19	1054539.86	575255.13	2.84
20	1054542.62	575254.47	1.76
21	1054544.37	575254.24	4.50
22	1054548.87	575254.33	3.85
23	1054552.63	575255.18	2.60
24	1054555.05	575256.14	2.17
25	1054556.97	575257.14	4.13
26	1054560.76	575258.77	3.42
27	1054564.14	575259.26	2.22
28	1054566.36	575259.21	2.29
29	1054568.61	575258.75	2.65
30	1054571.09	575257.83	421.47
31	1054952.01	575077.43	27.00
1	1054963.57	575101.84	





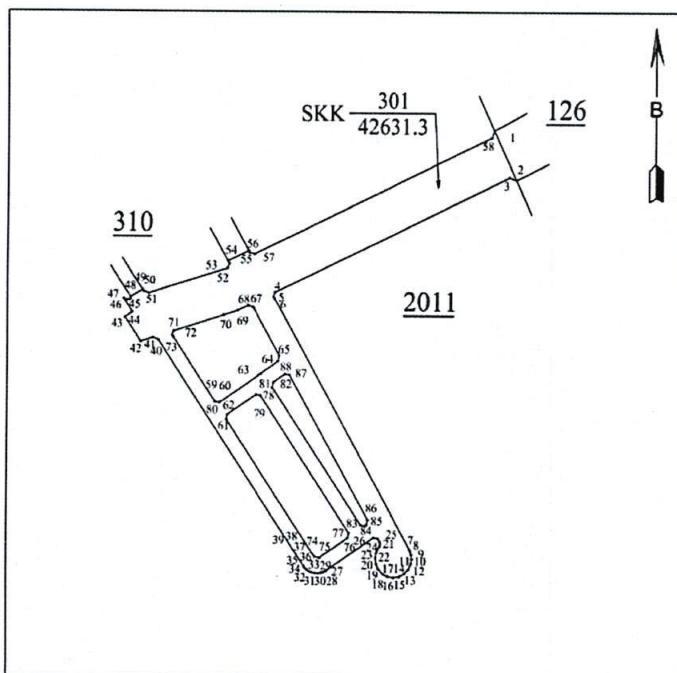
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 301, tờ bản đồ địa chính số 39, diện tích 42.631,3 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055006.24	575051.75	60.00
2	1054952.01	575077.43	
3	1054954.86	575069.44	8.49
4	1054828.24	574802.06	295.85
5	1054823.05	574800.43	5.44
6	1054821.30	574801.43	2.02
7	1054547.81	574957.56	314.92
8	1054545.31	574958.80	2.79
9	1054541.47	574960.00	4.02
10	1054536.53	574960.39	4.96
11	1054531.51	574959.65	5.07
12	1054525.68	574956.88	6.46
13	1054520.66	574952.25	6.83
14	1054517.22	574946.13	7.02
			7.08

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

Thửa đất số 301, tờ bản đồ địa chính số 39, diện tích 42.631,3 m².

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
15	1054516.31	574939.11	6.93
16	1054517.39	574932.26	6.05
17	1054520.21	574926.91	7.91
18	1054526.04	574921.56	5.56
19	1054531.11	574919.27	6.61
20	1054537.65	574918.36	5.73
21	1054543.31	574919.29	4.35
22	1054547.33	574920.97	3.30
23	1054550.09	574922.78	1.90
24	1054551.79	574923.63	1.97
25	1054553.76	574923.76	1.96
26	1054555.62	574923.16	3.78
27	1054558.91	574921.29	5.43
28	1054560.13	574916.00	64.40
29	1054524.00	574862.69	2.61
30	1054522.69	574860.43	2.23
31	1054521.82	574858.37	2.33
32	1054521.18	574856.13	3.18
33	1054520.75	574852.98	3.50
34	1054520.90	574849.49	3.88
35	1054521.81	574845.71	3.08
36	1054523.06	574842.90	3.61
37	1054525.09	574839.92	2.34
38	1054526.69	574838.21	2.75
39	1054528.82	574836.47	298.41
40	1054775.82	574669.04	6.42
41	1054777.94	574662.97	14.59
42	1054773.60	574649.04	31.95
43	1054800.08	574631.18	10.00
44	1054805.67	574639.48	18.01
45	1054820.60	574629.41	4.58
46	1054819.10	574633.74	3.24
47	1054820.07	574636.83	2.28
48	1054822.22	574637.59	16.01
49	1054830.80	574651.10	2.27

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
50	1054828.93	574652.37	6.42
51	1054826.81	574658.43	93.73
52	1054854.73	574747.91	5.01
53	1054859.39	574749.74	3.46
54	1054862.40	574748.03	26.08
55	1054873.56	574771.59	2.02
56	1054871.80	574772.59	5.87
57	1054870.04	574778.19	299.53
58	1054998.25	575048.90	8.49
1	1055006.24	575051.75	
59	1054778.92	574686.26	84.50
60	1054708.98	574733.68	5.66
61	1054707.91	574739.23	53.20
62	1054737.76	574783.27	3.65
63	1054739.80	574786.28	23.64
64	1054753.07	574805.85	5.87
65	1054758.78	574807.18	59.13
66	1054810.14	574777.86	2.02
67	1054811.89	574776.86	5.87
68	1054813.65	574771.26	13.14
69	1054808.03	574759.39	16.62
70	1054803.08	574743.52	59.67
71	1054785.30	574686.57	4.77
72	1054780.80	574684.99	2.27
59	1054778.92	574686.26	
73	1054689.11	574747.14	181.50
74	1054538.87	574848.98	5.66
75	1054537.81	574854.54	39.00
76	1054559.69	574886.82	5.66
77	1054565.24	574887.89	181.50
78	1054715.48	574786.05	5.66
79	1054716.55	574780.49	39.00
80	1054694.67	574748.21	5.66
73	1054689.11	574747.14	
81	1054730.01	574800.36	5.66



Thửa đất số 301, tờ bản đồ địa chính số 39, diện tích 42.631,3 m².

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
82	1054724.46	574799.29	181.50
83	1054574.22	574901.13	5.66
84	1054573.16	574906.69	1.63
85	1054574.07	574908.04	5.87
86	1054579.79	574909.37	182.06
87	1054737.90	574819.10	5.44
88	1054739.13	574813.81	16.25
81	1054730.01	574800.36	



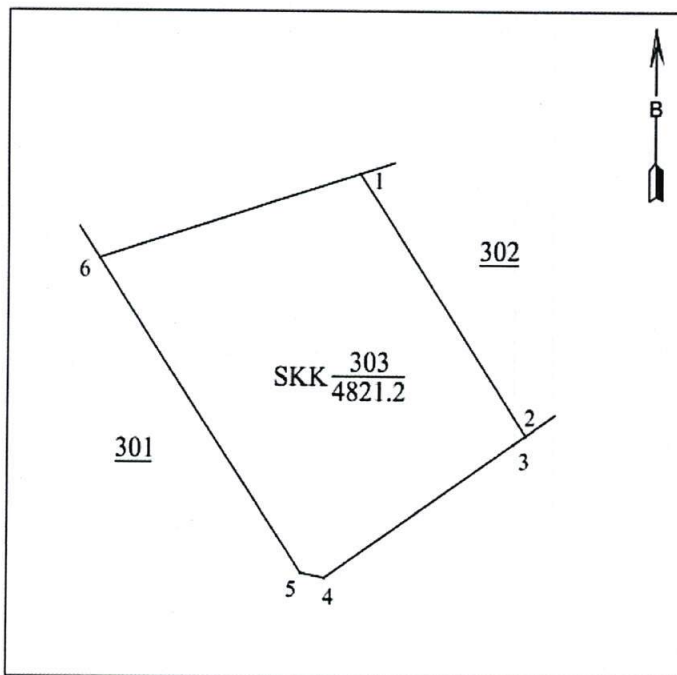
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 303, tờ bản đồ địa chính số 39, diện tích 4.821,2 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1054797.88	574747.03	70.10
2	1054739.80	574786.28	3.65
3	1054737.76	574783.27	53.20
4	1054707.91	574739.23	5.66
5	1054708.98	574733.68	84.50
6	1054778.92	574686.26	63.66
1	1054797.88	574747.03	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



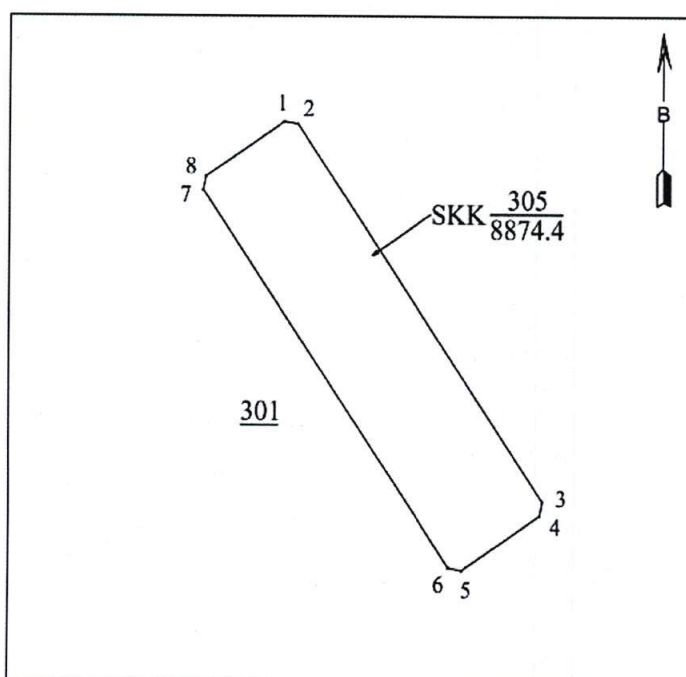
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 16/02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 305, tờ bản đồ địa chính số 39, diện tích 8.874,4 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1054716.55	574780.49	5.66
2	1054715.48	574786.05	181.50
3	1054565.24	574887.89	5.66
4	1054559.69	574886.82	39.00
5	1054537.81	574854.54	5.66
6	1054538.87	574848.98	181.50
7	1054689.11	574747.14	5.66
8	1054694.67	574748.21	39.00
1	1054716.55	574780.49	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



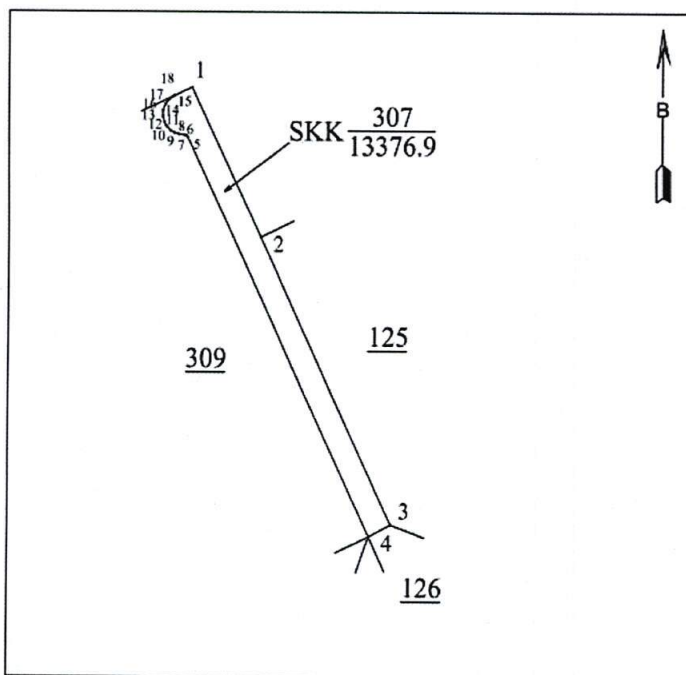
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 307, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 13.376,9 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055466.00	574862.78	170.00
2	1055312.36	574935.54	325.41
3	1055018.27	575074.82	26.02
4	1055006.24	575051.75	451.68
5	1055414.45	574858.43	2.11
6	1055416.12	574857.13	1.54
7	1055416.93	574855.82	2.18
8	1055417.31	574853.67	4.66
9	1055417.60	574849.02	5.14
10	1055419.10	574844.11	5.17
11	1055421.73	574839.65	6.07
12	1055426.17	574835.51	4.81
13	1055430.40	574833.22	5.59
14	1055435.81	574831.80	6.53
15	1055442.34	574832.05	6.73
16	1055448.64	574834.39	6.16
17	1055453.50	574838.19	6.94
18	1055457.38	574843.95	20.72
1	1055466.00	574862.78	

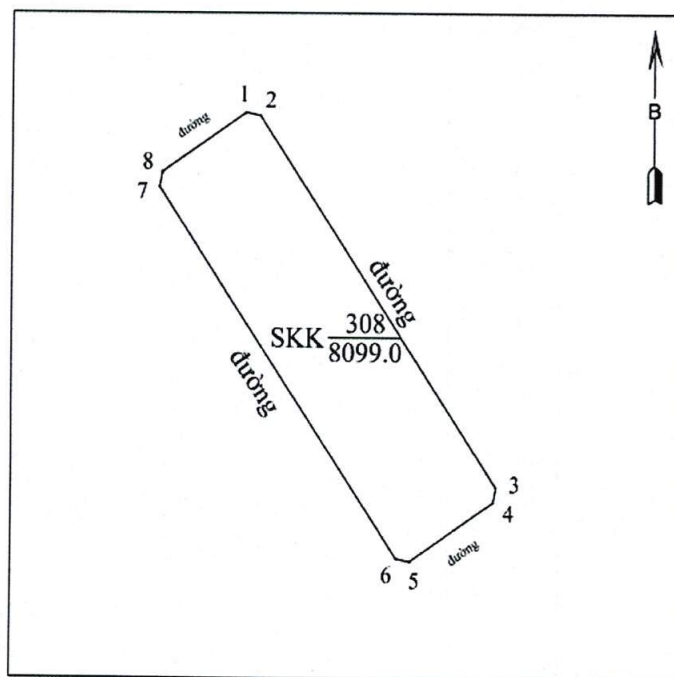
Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[illegible]

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

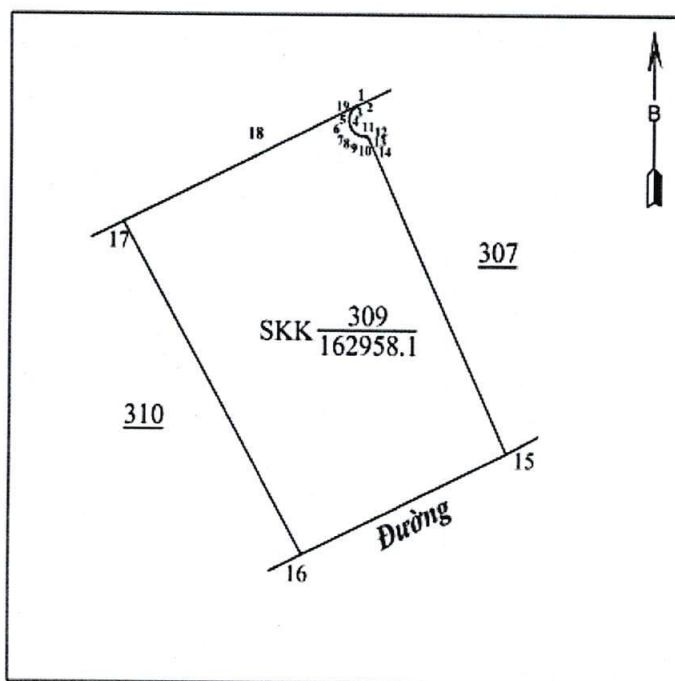
**SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 309, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 162.958,1 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055457.38	574843.95	6.94
2	1055453.50	574838.19	6.16
3	1055448.64	574834.39	6.73
4	1055442.34	574832.05	6.53
5	1055435.81	574831.80	5.59
6	1055430.40	574833.22	4.81
7	1055426.17	574835.51	6.07
8	1055421.73	574839.65	5.17
9	1055419.10	574844.11	5.14
10	1055417.60	574849.02	4.66
11	1055417.31	574853.67	2.18
12	1055416.93	574855.82	1.54
13	1055416.12	574857.13	2.11
14	1055414.45	574858.43	451.68
15	1055006.24	575051.75	309.99
16	1054873.56	574771.59	498.20
17	1055306.22	574524.59	198.04
18	1055390.98	574703.57	150.00
19	1055455.18	574839.14	5.29
1	1055457.38	574843.95	

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



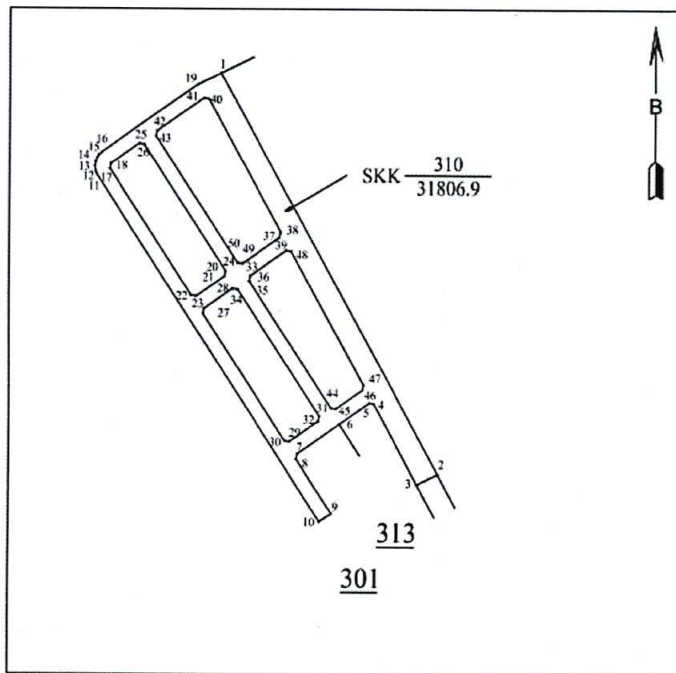
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 24 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 310, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 31.806,9 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055306.22	574524.59	498.20
2	1054873.56	574771.59	26.08
3	1054862.40	574748.03	99.40
4	1054948.72	574698.74	5.43
5	1054949.95	574693.45	40.75
6	1054927.09	574659.72	57.16
7	1054895.02	574612.40	5.66
8	1054889.46	574611.34	70.86
9	1054830.80	574651.10	16.01
10	1054822.22	574637.59	452.48
11	1055196.90	574383.91	3.45
12	1055200.16	574382.76	4.71
13	1055204.83	574382.17	4.84
14	1055209.63	574382.78	4.08

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG



Thửa đất số 310, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 31806,9 m².

TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
15	1055213.45	574384.22	4.77
16	1055217.41	574386.90	
17	1055220.41	574390.25	
18	1055294.02	574498.84	131.19
1	1055306.22	574524.59	28.49
19	1055207.91	574400.31	5.66
20	1055202.35	574399.25	
21	1055065.77	574491.83	
22	1055064.71	574497.38	165.00
23	1055086.59	574529.66	5.66
24	1055092.14	574530.73	39.00
25	1055228.72	574438.15	5.66
26	1055229.79	574432.59	165.00
19	1055207.91	574400.31	5.66
27	1055051.46	574506.36	165.00
28	1055045.91	574505.29	5.66
29	1054909.33	574597.87	39.00
30	1054908.26	574603.43	5.66
31	1054930.14	574635.71	165.00
32	1054935.70	574636.78	5.66
33	1055072.28	574544.20	39.00
34	1055073.34	574538.64	5.66
27	1055051.46	574506.36	165.00
35	1055237.70	574451.39	5.66
36	1055101.12	574543.97	50.72
37	1055100.05	574549.53	5.87
38	1055128.51	574591.51	165.51
39	1055134.23	574592.84	5.44
40	1055277.97	574510.78	64.06
41	1055279.20	574505.48	5.66
42	1055243.26	574452.46	165.00
35	1055237.70	574451.39	
43	1055081.26	574557.44	
44	1054944.68	574650.02	5.66
45	1054943.61	574655.58	36.14

[illegible]



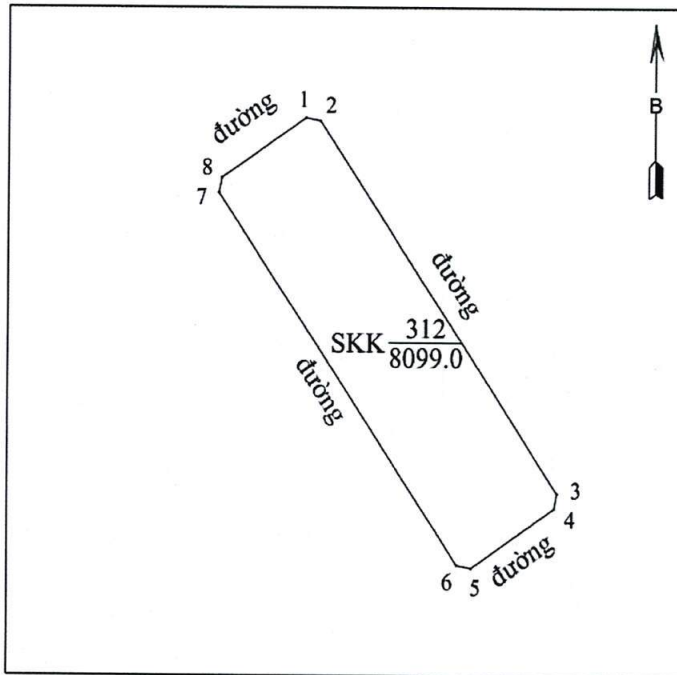
SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 16/02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Thửa đất số 312, tờ bản đồ địa chính số 37, diện tích 8.099,0 m².

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.



TT	Tọa độ		Chiều dài (m)
	X (m)	Y (m)	
1	1055073.34	574538.64	5.66
2	1055072.28	574544.20	165.00
3	1054935.70	574636.78	5.66
4	1054930.14	574635.71	39.00
5	1054908.26	574603.43	5.66
6	1054909.33	574597.87	165.00
7	1055045.91	574505.29	5.66
8	1055051.46	574506.36	39.00
1	1055073.34	574538.64	

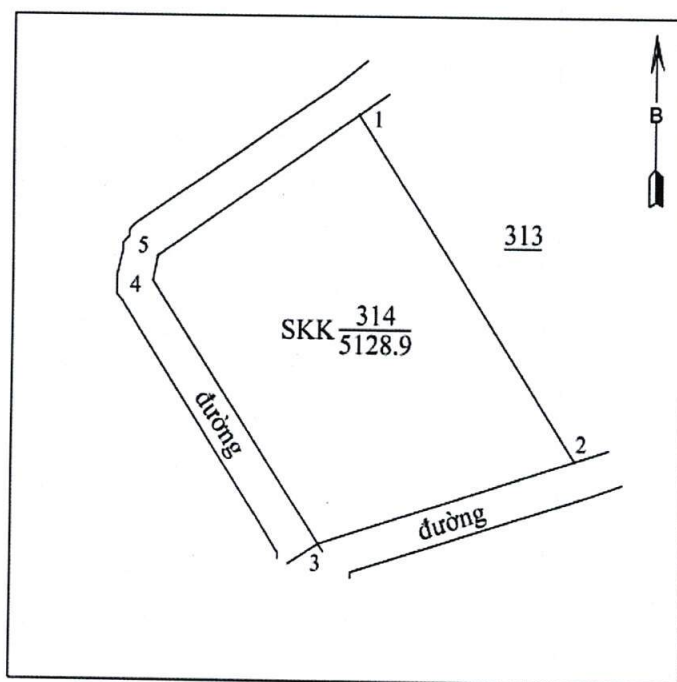
Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG

(Kèm theo Quyết định số 424 /QĐ-UBND ngày 16 /02/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

Loại đất: Đất khu công nghiệp (SKK).

Tọa lạc tại ấp Ngan Rô 1, thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

[illegible]

Scan vẽ theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc địa chính thửa đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

UBND TỈNH SÓC TRĂNG